

TỈNH ỦY TUYÊN QUANG
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 2211-CV/BTGTU

V/v tài liệu tuyên truyền
tháng 6 năm 2024

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2024

- Kính gửi:*
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh
 - Thường trực các huyện ủy, thành ủy,
đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy
 - Báo Tuyên Quang
 - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
 - Các đồng chí báo cáo viên cấp tỉnh
 - Ban Tuyên giáo huyện ủy, thành ủy,
đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên tập tài liệu tuyên truyền tháng 6 năm 2024, gồm các nội dung sau:

1. Quy định số 142-QĐ/TW ngày 23/4/2024 của Bộ Chính trị về thi điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ.

2. Quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

3. Quan điểm và giải pháp để tăng cường đảm bảo an ninh văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới

4. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước 4 tháng đầu năm 2024.

5. Một số thông tin về kỳ thi tốt nghiệp THPT tỉnh Tuyên Quang năm 2024.

6. Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có tài liệu tuyên truyền gửi kèm theo).

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nội dung tài liệu để thực hiện hình thức tuyên truyền phù hợp đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Công TTĐT Đảng bộ tỉnh,
- Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Đỗ Hồng Thanh

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN THÁNG 6 NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số 2211-CV/BTGTU ngày 27/5/2024
của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

1. Thực hiện việc thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ

Ngày 23/4/2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 142-QĐ/TW thí điểm giao quyền, trách nhiệm cho người đứng đầu trong công tác cán bộ. Quy định này quy định về phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện thí điểm về công tác cán bộ, gồm: Giới thiệu nhân sự bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của người đứng đầu; bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ cấp ủy cùng cấp; bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng cấp dưới trực tiếp thuộc thẩm quyền quản lý. Quy định thực hiện thí điểm đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị từ cấp huyện trở lên (đối với Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có quy định riêng).

Quy định yêu cầu bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ; công tâm, khách quan, công khai, minh bạch, giữ gìn đoàn kết nội bộ; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị. Người đứng đầu có thể thực hiện hoặc không thực hiện thẩm quyền được giao theo Quy định này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, thực hiện quy trình công tác cán bộ đối với nhân sự do người đứng đầu giới thiệu theo quy định.

Đối với giới thiệu nhân sự bầu cử, bổ nhiệm cấp phó, căn cứ chủ trương của cấp có thẩm quyền, tại bước 1 của quy trình nhân sự theo Điều 21, Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, người đứng đầu được giới thiệu nhân sự như sau:

Trường hợp nhân sự từ nguồn tại chỗ, người đứng đầu căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và danh sách nhân sự trong quy hoạch lựa chọn, giới thiệu 1 nhân sự cho 1 chức danh để cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét đưa vào danh sách, tiến hành các bước tiếp theo. Trường hợp nhân sự từ nguồn ở nơi khác: Người đứng đầu căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ giới thiệu 1 nhân sự cho 1 chức danh để cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét tiến hành quy trình nhân sự.

Đối với giới thiệu nhân sự bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ cấp ủy, khi khuyết số lượng ủy viên ban thường vụ thì người đứng đầu căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, đề án công tác nhân sự đại hội, danh sách quy hoạch để lựa chọn, giới thiệu nhân sự cho tập thể ban thường vụ xem xét, trình ban chấp hành giới thiệu bổ sung ủy viên ban thường vụ; nếu nhân sự được ban chấp hành thống nhất giới thiệu thì ban thường vụ trình xin ý kiến cấp có thẩm quyền trước khi tiến hành bầu cử.

Đối với bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng cấp dưới trực tiếp, người đứng đầu được quyền xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng của tổ chức, cơ quan, đơn vị ở cấp hành chính do mình trực tiếp quản lý theo quy định, như sau: Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu, nhiệm vụ, sau khi trao đổi, thống nhất ý kiến với cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, người đứng đầu quyết định bổ nhiệm cán bộ. Khi có căn cứ xem xét miễn nhiệm cán bộ theo quy định thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, người đứng đầu ban hành quyết định miễn nhiệm cán bộ và gửi văn bản đến cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ.

Người đứng đầu bảo đảm về tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác của nhân sự do mình giới thiệu. Thực hiện nghiêm các quy định về công tác cán bộ, quy định về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Chịu trách nhiệm về quyết định của mình kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu trong các trường hợp sau: Giới thiệu cán bộ đề bầu cử, bổ nhiệm thiếu công tâm, khách quan; không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác. Miễn nhiệm cán bộ không bảo đảm căn cứ, thủ tục theo quy định.

Việc xem xét xử lý trách nhiệm của người đứng đầu trong trường hợp vi phạm quy định này được thực hiện theo quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và các quy định có liên quan.

2. Quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới

Ngày 09/5/2024, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ký ban hành Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới, gồm 05 nhóm chuẩn mực đạo đức như sau:

(1) Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc

- Suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng; nêu cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng; hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

- Tôn trọng, tin tưởng, gần gũi và gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại đến dân phải hết sức tránh.

- Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích chung của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân lên trên hết, trước hết; kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi hành vi gây phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân.

(2) Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập

- Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thực hiện nghiêm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, ý chí vươn lên, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần phát triển đất nước, địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, hành động vì lợi ích chung, vì nước, vì dân.

- Chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng; năng lực công tác, làm việc trong môi trường quốc tế. Tích cực tham gia quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng theo đường lối đối ngoại của Đảng phù hợp với luật pháp quốc tế, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng cộng đồng vì hoà bình, ổn định, tiến bộ và phát triển.

(3) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

- Tâm huyết, trách nhiệm, dấn thân, nỗ lực hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao, có ý chí, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

- Quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích, đúng quy định; tiết kiệm và hiệu quả; không xa hoa, lãng phí thời gian, tiền bạc, công sức và các nguồn lực vật chất khác của tập thể và cá nhân.

- Trong sạch, không tham ô, tham nhũng, tiêu cực, không gây phiền hà, sách nhiễu. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

- Trung thực, thẳng thắn, khách quan, công tâm, tích cực đấu tranh tự phê bình và phê bình, không giấu khuyết điểm, không nói sai sự thật; thấy đúng phải bảo vệ, thấy sai phải đấu tranh.

- Nêu cao lòng tự trọng, danh dự, không cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, giữ gìn phẩm giá của người cán bộ, đảng viên, không để tác động lôi kéo, cám dỗ tiêu cực. Không để gia đình, người thân và người khác lợi dụng chức vụ, vị trí công tác để trục lợi; bảo vệ uy tín, danh dự của bản thân và tổ chức đảng. Thực hiện văn hoá từ chức khi không đủ khả năng, uy tín.

(4) Đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm

- Luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, cơ quan, tổ chức và trong Nhân dân, trước hết là ở chi bộ, cơ quan, đơn vị công tác, khu dân cư; kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện chia rẽ, bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện.

- Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, kỷ cương, nhất là kỷ luật phát ngôn. Nói và làm theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành các quy định của cơ quan, đơn vị; phục tùng sự phân công của Đảng, của tổ chức.

- Sống có nghĩa tình, chân thành, thương yêu, đối xử, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp và mọi người theo lẽ phải, phù hợp với đạo lý dân tộc, cùng nhau tiến bộ.

- Nêu cao trách nhiệm trong công tác và sinh hoạt; sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kiên quyết đấu tranh, phê phán mọi hành vi né tránh, đùn đẩy, hoặc có tư tưởng trung bình chủ nghĩa, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, không dám làm. Làm tốt trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ đối với gia đình, cộng đồng, xã hội.

(5) Gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời

- Gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cán bộ, đảng viên chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, cấp trên gương mẫu trước cấp dưới, cấp uỷ gương mẫu trước đảng viên, đảng viên gương mẫu trước quần chúng.

- Tích cực vận động, thuyết phục gia đình, người thân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Khiêm tốn, cầu thị, giản dị; không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức, trình độ, năng lực công tác. Nói đi đôi với làm, làm đi đôi với nói, đã nói là làm.

3. Quan điểm và giải pháp tăng cường đảm bảo an ninh văn hóa Việt Nam trong bối cảnh mới

Toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng cùng với sự bùng nổ của cách mạng công nghệ mới, vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng được các quốc gia - dân tộc quan tâm mạnh mẽ hơn. Ở nước ta, từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước đã và đang dành cho an ninh phi truyền thống sự quan tâm mạnh mẽ và thiết thực. Mặc dù, xem xét kỹ cách tiếp cận và các hệ vấn đề đã và đang được quan tâm thì có thể thấy vấn đề an ninh văn hóa còn lộ ra nhiều khoảng trống cần phải được làm rõ và bổ khuyết.

** Về quan điểm:*

Một là, phải đảm bảo khoa học, hài hòa, chủ động, tích cực và hiệu quả trong công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa. Không thể quay lại thời kỳ “bế quan tỏa cảng”, nhưng cũng không được phép buông lỏng, mất cảnh giác. Như đã chỉ ra ở trên, cả hai xu hướng cực đoan trong đời sống văn hóa, nhất là trong lãnh đạo và quản lý văn hóa, đều có thể đưa tới những hậu quả khôn lường. Nếu bảo thủ, trì trệ, cực đoan, võ đoán thì sẽ xâm hại quyền và lợi ích văn hóa của cộng đồng và cá nhân bị xâm hại, làm xói mòn và hạn chế việc phát huy nguồn lực văn hóa trong phát triển bền vững. Nhưng nếu buông lỏng lãnh đạo, quản lý thì sẽ dẫn đến sự

chệch hướng, hòa tan, mở đường cho tự diễn biến, tự chuyển hóa từ bên trong, thậm chí có thể dẫn đến mất nước về mặt văn hóa.

Hai là, cần xác định dứt khoát công tác đảm bảo an ninh văn hóa là sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của nhiều giải pháp, trên nhiều phương diện, từ chính trị, hành chính, kinh tế, giáo dục, khoa học,... nhưng giữ vai trò chủ đạo vẫn phải là các giải pháp văn hóa, của lĩnh vực văn hóa. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là hồn cốt của dân tộc và là một nguồn nội lực cho sự phát triển, hơn nữa văn hóa lại không tồn tại độc lập, bên ngoài con người và các hoạt động của con người. Văn hóa thấm thấu vào các phương diện của xã hội và vào tất cả các hoạt động của con người. Cho nên, đảm bảo an ninh văn hóa là trách nhiệm của toàn dân, cần có sự chung tay góp sức của toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp. Song, văn hóa lại có đặc thù riêng, cho nên đảm bảo an ninh văn hóa phải xuất phát từ văn hóa và bằng các giải pháp văn hóa, nguồn lực văn hóa là chủ yếu.

Ba là, phải coi an ninh văn hóa như một hợp phần hữu cơ quan trọng của an ninh quốc gia. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn”. Vì vậy, đảm bảo an ninh văn hóa cũng là đảm bảo an ninh của quốc gia; mặt trận văn hóa cũng là một mặt trận trọng yếu của công tác an ninh. Bảo đảm an ninh văn hóa là góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, là trách nhiệm của toàn dân tộc, của từng công dân và của toàn bộ hệ thống chính trị. Trong bối cảnh ngày nay thì đảm bảo an ninh văn hóa cũng còn là đảm bảo môi trường phát triển, đảm bảo an ninh cho một loại nguồn lực nội sinh quan trọng và cho một phương thức phát triển bền vững của đất nước.

** Về giải pháp:*

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ mục đích, phương hướng và nhiệm vụ của sự nghiệp chấn hưng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam nhằm khơi dậy mạnh mẽ niềm tự hào dân tộc và khát vọng phát triển để xây dựng một đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc. Vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu phát triển bền vững, vừa là nguồn sức mạnh nội sinh, văn hóa “phải soi đường cho quốc dân đi” trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp mới (4.0), tức là đảm bảo cho dân tộc Việt Nam không những chủ động hội nhập mà không bị hòa tan, mà còn hội nhập để tỏa sáng trong thế giới hiện đại. Vì vậy, trong công cuộc đảm bảo an ninh văn hóa, cần thiết phải triển khai thành công một số giải pháp chủ đạo sau đây:

Thứ nhất, đảm bảo an ninh văn hóa thông qua phát triển thành công công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo

Trong thời đại ngày nay, thế giới toàn cầu hóa với sự bùng nổ mạnh mẽ của truyền thông đa phương tiện, truyền thông công nghệ cao, tính hai mặt của công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo càng bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Đó vừa là một lĩnh vực kinh tế sôi động, giàu tiềm năng, có thể đưa về nguồn thu nhập khổng lồ, tạo ra nhiều công ăn việc làm, lại ít gây ra ô nhiễm môi trường tự nhiên. Đó lại cũng là nơi hình thành và phát triển những đội quân hùng mạnh để tăng cường sức mạnh mềm quốc gia, đủ sức xuyên thủng mọi tuyến đường biên giới, mở rộng tầm

ảnh hưởng và gia cường đáng kể năng lực cạnh tranh và chi phối của các quốc gia trên thế giới toàn cầu hóa.

Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược Phát triển công nghiệp văn hóa Việt Nam từ năm 2016, nhưng cho đến nay sự phát triển của công nghiệp văn hóa Việt Nam vẫn còn đang rất khó khăn, chưa đạt được mục tiêu như kỳ vọng, chưa tương xứng với tiềm năng. Thực tế là thị trường văn hóa Việt Nam vẫn đan bị chi phối đáng kể bởi các ngành công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo của nước ngoài. Đây chính là một trong những biểu hiện của tình hình an ninh văn hóa chưa được đảm bảo thật tốt ở nước ta hiện nay.

Tuy nhiên, qua tìm hiểu bước đầu, phần lớn các địa phương còn lúng túng khi triển khai, nhất là chưa đặt vấn đề đảm bảo an ninh văn hóa trong phát triển công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo. Nhiều hiện tượng, sự cố đáng tiếc vẫn tiếp tục xảy ra, như hiện tượng tiếp nhận xô bồ một số sản phẩm văn hóa từ nước ngoài, trong khi đó các cơ chế chính sách phục vụ cho phát triển công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo Việt Nam thì rất chậm được đổi mới ...

Nếu chúng ta tiếp tục kéo dài tình hình này thì tức là chúng ta đang bỏ ngỏ thị trường văn hóa cho ngoại bang, tiếp tục “thua ngay trên sân nhà” trong cuộc cạnh tranh văn hóa toàn cầu.

Vậy, để phát triển tốt, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo Việt Nam cần có sự chung tay, góp sức, sự vào cuộc của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Trong đó, quan trọng nhất là phải khơi thông những ách tắc về cơ chế; đa dạng hóa và tối đa hóa nguồn lực đầu tư, tập trung đầu tư vào những lĩnh vực, những ngành công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo mà Việt Nam có thế mạnh; đặc biệt tập trung, nâng cao chất lượng vốn hóa các nguồn lực văn hóa để tạo nên chuỗi giá trị gia tăng vượt trội của các sản phẩm công nghiệp văn hóa, xác lập được chuỗi phân chia lợi nhuận bền vững ... Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể tạo nên bước phát triển đột phá cho công nghiệp văn hóa Việt Nam.

Trên cơ sở đó cần có những giải pháp để bảo vệ thị trường văn hóa quốc nội. Các cơ quan quản lý cần nâng cao năng lực để kiểm soát những sản phẩm và dịch vụ văn hóa nhập khẩu, xâm nhập vào thị trường văn hóa nước ta, nhất là qua các mạng xã hội, internet. Kiên quyết loại bỏ, trừng phạt thích đáng những tổ chức, cá nhân du nhập và truyền bá những sản phẩm văn hóa phản động, độc hại, chằm dút tình trạng buông lỏng quản lý. Tiếp theo, rất cần những chương trình đầu tư về tài chính và hỗ trợ về mọi mặt để công nghiệp văn hóa Việt Nam có thể “đánh chiếm”, làm chủ được thị trường văn hóa quốc nội, từng bước vươn ra thị trường toàn cầu bằng những thế mạnh ưu trội, vốn có, để quảng bá cho đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, để hội nhập và tỏa sáng.

Sự nghiệp đảm bảo an ninh văn hóa nói riêng và đảm bảo an ninh quốc gia nói chung đã và đang là nhiệm vụ của toàn dân, của từng công dân Việt Nam, của tất cả những người Việt Nam yêu nước. Để mỗi người Việt Nam, dù sinh sống và làm việc ở đâu, trên cương vị nào cũng có thể là một “đại sứ văn hóa”, một “chiến sĩ an ninh văn hóa”, thì trước tiên cần phải thể chế hóa, coi đó là một trong những

quyền và bổn phận của công dân, của con dân đất Việt. Đồng thời, phải không ngừng bồi bổ ý thức, bồi dưỡng năng lực bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam của các thế hệ người Việt Nam.

Thứ hai, đảm bảo an ninh văn hóa bằng sự lãnh đạo và quản lý văn hóa khoa học và chuyên nghiệp

Công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa phải được đổi mới trên cơ sở nhận thức khoa học, đúng đắn về cấu trúc của nền văn hóa dân tộc. Cho đến nay, tư duy văn hóa của chúng ta chủ yếu mới khám phá văn hóa theo chiều phẳng ngang, do đó mới chỉ nhận thấy sự phân biệt giữa văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần hay văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Và do vậy, công tác lãnh đạo và quản lý văn hóa mới chủ yếu diễn ra trên bình diện này.

Nhưng nếu chúng ta tiếp cận nền văn hóa theo chiều cấu trúc dọc, chúng ta sẽ thấy một cấu trúc khác của nền văn hóa, có tính chất “tầng bậc”. Trong nhân cách văn hóa của mỗi cá nhân hay mỗi cộng đồng người, đóng vai trò nền tảng, quan trọng nhất là các giá trị và hệ giá trị. Nhưng tự bản thân nó, các giá trị, ví dụ như lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, lòng nhân ái,... không trực tiếp bộc lộ ra bên ngoài theo bất kỳ một hình thức nhất quán nào, mà trái lại, nó phải được chuyển tải thông qua các tiêu chí, quy phạm đạo đức, thông qua các xu hướng hay lựa chọn lối sống. Đến lượt nó, các lối sống lại phải được bộc lộ thông qua các hoạt động sống hay là các hoạt động văn hóa. Các hoạt động này lại được cấu thành bởi các hành vi, các ứng xử văn hóa.

Trong mô hình cấu trúc như vậy, có thể thấy hệ giá trị, đạo đức và lối sống là ba thành tố có tính nền tảng trong nhân cách văn hóa của cá nhân và cộng đồng, đồng thời là những yếu tố tương đối ổn định nhất. Trong khi đó, đời sống văn hóa và hành vi, ứng xử văn hóa là “phần nổi”, là cái được biểu hiện ra bên ngoài trong các đối thoại văn hóa liên nhân cách và trong tương tác xã hội. Hai thành tố này luôn luôn đa dạng, phong phú và dễ biến đổi nhất. Vì hai nhóm thành tố trên có vai trò, vị trí và đặc điểm khác nhau, cho nên nội dung, mục đích và phương thức lãnh đạo đối với chúng cũng khác nhau. Có nhiều phương thức và mô hình lãnh đạo khác nhau, song tựu trung lại có hai phương thức chính là gây ảnh hưởng và cưỡng chế và sự kết hợp giữa hai phương thức đó.

Lãnh đạo bằng phương thức gây ảnh hưởng là phương thức mà theo đó, nhân tố lãnh đạo sử dụng các biện pháp như tuyên truyền, thuyết phục, nêu gương,... nhằm làm cho nhân tố được lãnh đạo thấu hiểu, tin cậy và tự nguyện làm theo những chỉ bảo, yêu cầu hay khuyến nghị của nhân tố lãnh đạo. Phương thức lãnh đạo này, một khi đã phát huy tác động thì sẽ đưa lại hiệu quả rất to lớn, tích cực và bền vững. Đối với các tầng “hệ giá trị” và “đạo đức” thì chỉ có thể lãnh đạo bằng phương thức này, tuyệt đối không được sử dụng phương thức cưỡng chế.

Trong khi đó, lãnh đạo bằng phương thức cưỡng chế lại là phương thức lãnh đạo được sử dụng phổ biến bởi các chủ thể quản lý. Các thành tố đời sống văn hóa và hành vi, ứng xử văn hóa cần được lãnh đạo chủ yếu theo phương thức cưỡng chế trên cơ sở có hướng dẫn và các giải pháp quản lý khác. Có thể nói đây chính là phạm vi của công tác quản lý văn hóa của tất cả các quốc gia, trong đó có Việt

Nam. Trong khi đó, thành tố “lỗi sống” lại là đối tượng cần có sự phối hợp nhuần nhuyễn, uyển chuyển giữa hai phương thức tác động nói trên.

Sự phân biệt về tính chất và loại hình, nội dung giải pháp và các công cụ lãnh đạo và quản lý văn hóa đối với các thành tố trong cấu trúc văn hóa có ý nghĩa quan trọng. Đây chính là bí quyết để đảm bảo lãnh đạo và quản lý văn hóa khoa học, chuyên nghiệp và thành công. Việc nhầm lẫn trong việc lựa chọn phương thức lãnh đạo, quản lý để áp dụng cho từng đối tượng sẽ khiến cho công tác lãnh đạo, quản lý không đạt được hiệu quả như mong đợi, thậm chí kém hiệu quả, phản tác dụng.

4. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước 4 tháng đầu năm 2024

Kinh tế tiếp tục duy trì đà phát triển tích cực ở cả 3 khu vực: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Sản xuất công nghiệp tháng 4 tăng 0,8% so với tháng 3 và tăng 6,3% so cùng kỳ; tính chung 4 tháng tăng 6% (cùng kỳ giảm 2,5%); trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 6,3%; một số địa phương có ngành chế biến, chế tạo tăng cao (Phú Thọ tăng 29,6%, Bắc Giang tăng 24,1%, Hà Nam tăng 15,5%, Bình Phước tăng 15,2%...).

Khu vực dịch vụ tiếp tục tăng khá cao; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 tăng 2% so với tháng 3 và tăng 9% so cùng kỳ; tính chung 4 tháng tăng 8,5%. Nông nghiệp phát triển ổn định, trồng trọt, chăn nuôi, khai thác thủy sản đều đạt kết quả tích cực, xuất khẩu nông sản đạt gần 20 tỷ USD. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 4 đạt 50,3 điểm, trong đó lượng đơn hàng mới tăng mạnh.

Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 tăng 0,07% so với tháng 3; bình quân 4 tháng tăng 3,93%. Lãi suất huy động và cho vay tiếp tục xu hướng giảm; tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời. Các cân đối lớn được bảo đảm; trong đó thu đủ chi, xuất đủ nhập, an ninh năng lượng, cung ứng điện được bảo đảm trong bối cảnh tháng 4 nóng nhất trong 50 năm qua, lương thực được bảo đảm (xuất khẩu gạo đạt trên 3,2 triệu tấn, kim ngạch đạt 2,08 tỷ USD, tăng lần lượt 11,7% và 36,5% so với cùng kỳ); cân đối cung cầu lao động được bảo đảm.

Thu ngân sách nhà nước tăng mạnh, tình hình tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được cải thiện rõ nét. Tổng thu ngân sách 4 tháng ước đạt 733.400 tỷ đồng, bằng 43,1% dự toán năm, tăng 10,1% so với cùng kỳ. Nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia và bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát tốt, thấp hơn nhiều giới hạn quy định, tạo dư địa chính sách tài khoá.

Xuất khẩu tiếp tục xu hướng tích cực, xuất siêu tăng. Trong tháng 4, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 61,20 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 238,9 tỷ USD, tăng 15,2%, trong đó xuất khẩu tăng 15% (khu vực trong nước tăng 21%, cao hơn khu vực FDI tăng 12,9%); nhập khẩu tăng 15,4%; xuất siêu 8,4 tỷ USD.

Đầu tư phát triển tiếp tục đạt kết quả tích cực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Giải ngân vốn đầu tư công 4 tháng đạt 17,46% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ (15,65%). Thu hút FDI đạt 9,27 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ; vốn FDI thực hiện đạt 6,28 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ (cao nhất trong những năm qua).

Phát triển doanh nghiệp tiếp tục xu hướng tích cực; trong 4 tháng có 51.600 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (tăng 3,4% về số doanh nghiệp và 9,3% về vốn đăng ký với cùng kỳ); đồng thời có hơn 29.700 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 2,4%.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống Nhân dân được cải thiện; trong tháng có 94,8% số hộ gia đình đánh giá có thu nhập ổn định hoặc cao hơn cùng kỳ (tăng 0,7% so với tháng 3). Tính chung 4 tháng, đã hỗ trợ cho người dân gần 18.500 tấn gạo.

Cải cách hành chính được đẩy mạnh, nhất là cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính; phòng chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh, góp phần củng cố niềm tin trong Nhân dân. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh; uy tín, vị thế đất nước được nâng lên.

Nhiều tổ chức, chuyên gia quốc tế tiếp tục đánh giá cao kết quả và triển vọng của kinh tế Việt Nam. ADB dự báo năm 2024 Việt Nam tăng trưởng 6%, HSBC dự báo 6,3%; ngân hàng Standard Chartered dự báo 6,7%; xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 12 bậc. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu xếp hạng 46/132, tăng 2 bậc. Chỉ số hạnh phúc xếp thứ 54, tăng 11 bậc so với năm 2023...

5. Một số thông tin về kỳ thi tốt nghiệp THPT tỉnh Tuyên Quang năm 2024

5.1. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 áp dụng theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021, Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/3/2023 và Thông tư số 02/2024/TT-BGDĐT ngày 06/3/2024, cơ bản giữ ổn định như năm 2023 (thay đổi cơ bản chỉ mang tính kỹ thuật), cụ thể như sau:

a) Những điểm mới so với kỳ thi năm 2023

- Một số nội dung chi tiết về coi thi, sao in đề thi, chấm thi trước đây được quy định trong Văn bản hướng dẫn, nay đưa vào Thông tư sửa đổi, bổ sung (Thông tư số 02/2024/TT-BGDĐT), do đó tính pháp lý của những nội dung này cao hơn.

- Quy định rõ hơn về thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước của đề thi: Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước độ “Tối mật” đối với đề thi của các bài thi/môn thi chỉ kết thúc khi hết thời gian làm bài của bài thi/môn thi trắc nghiệm và hết hai phần ba (2/3) thời gian làm bài của bài thi tự luận.

- Quy định thêm các vật dụng bị cấm mang vào phòng thi, gồm: Giấy than, bút xóa, đồ uống có cồn; vũ khí và chất gây nổ, gây cháy; tài liệu, thiết bị truyền tin (thu, phát sóng thông tin, ghi âm, ghi hình) hoặc chứa thông tin để gian lận trong quá trình làm bài thi.

b) Quy định về Đăng ký dự thi:

- Đăng ký dự thi (ĐKDT) trực tuyến đối với thí sinh đang học lớp 12 thông qua tài khoản là số căn cước. Thí sinh tự do ĐKDT trực tiếp tại 07 điểm đăng ký dự thi do Sở GDĐT quy định.

- Thí sinh cung cấp minh chứng ưu tiên trong khi ĐKDT và được điểm tiếp nhận xác thực thông tin trực tuyến.

- Phiếu ĐKDT gồm thông tin cá nhân, thông tin đăng ký thi và thông tin xét công nhận tốt nghiệp; không bao gồm đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học, xét tuyển cao đẳng ngành giáo dục mầm non (việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học, cao đẳng được thực hiện vào thời điểm Bộ GDĐT công bố kết quả thi).

- Thông tin về công dân được cung cấp và xác thực từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c) Quy định về công tác coi thi

- Mỗi Điểm thi phải bố trí 01 (một) điện thoại cố định có loa ngoài đặt tại phòng làm việc chung/phòng trực bảo đảm an ninh, an toàn (nếu không thể bố trí được điện thoại cố định vì lý do bất khả kháng thì Chủ tịch Hội đồng thi quyết định bố trí điện thoại di động không có chức năng ghi hình, không có thẻ nhớ, không có chức năng kết nối mạng internet và được niêm phong khi không sử dụng). Chỉ sử dụng chức năng nghe, gọi của điện thoại để liên lạc với Hội đồng thi, Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh; mọi liên lạc qua điện thoại đều phải bật loa ngoài để nghe công khai, đều phải ghi nhật ký và phải có sự chứng kiến của Phó trưởng Điểm thi phụ trách cơ sở vật chất; bố trí 01 (một) máy tính tại phòng trực của Điểm thi và bảo đảm máy tính chỉ được nối mạng internet khi chuyển báo cáo nhanh cho Hội đồng thi, phải ghi nhật ký sử dụng máy tính, có sự chứng kiến của Phó trưởng Điểm thi phụ trách cơ sở vật chất.

- Trưởng Điểm thi phải bố trí địa điểm bảo đảm an toàn, cách biệt phòng thi tối thiểu 25 mét để bảo quản vật dụng cá nhân của thí sinh và các tài liệu, vật dụng không được phép mang vào phòng thi.

- Tổ chức thu thiết bị thu, phát thông tin cá nhân (nếu có) của tất cả những người làm nhiệm vụ tại Điểm thi và lưu giữ, bảo quản các thiết bị này trong suốt thời gian diễn ra buổi thi với sự phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn của công an.

- Trưởng Điểm thi quy định một số cách đánh số báo danh và phát đề thi trong phòng thi và cho đại diện cán bộ coi thi (CBCT) bốc thăm cách đánh số báo danh, phát đề thi cho toàn bộ điểm thi; tổ chức cho CBCT và cán bộ giám sát phòng thi bốc thăm phân công nhiệm vụ coi thi, bảo đảm nguyên tắc một CBCT không coi thi quá một lần tại một phòng thi trong kỳ thi.

5.2. Lịch thi: Tổ chức thi chính thức 02 ngày **27/6/2024 và 28/6/2024**,

5.3. Tổ chức đăng ký dự thi và tổ chức các Điểm thi

- Sở GDĐT tổ chức 41 đơn vị ĐKDT (trong đó có 07 đơn vị tiếp nhận hồ sơ của thí sinh tự do); 29 Điểm thi (trong đó: 10 Điểm thi liên trường; 08 Điểm thi có

GDTX; 07 Điểm thi có thí sinh tự do); 480 phòng thi (gồm cả phòng chờ và phòng dự phòng).

- Số thí sinh ĐKDT là 9.079 thí sinh, trong đó:
- + Chỉ thi tốt nghiệp: 1.547/9.079 thí sinh = 17,04%.
- + Chỉ thi để tuyển sinh ĐH, CĐ: 384/9.079 thí sinh = 4,23%.
- + Số thí sinh thi TN và Tuyển sinh ĐH, CĐ: 8.695/9.079 thí sinh = 95,77%.
- + Thí sinh lớp 12 ĐKDT bài thi KHTN: 1.069/8.491 thí sinh = 12,59%.
- + Thí sinh lớp 12 ĐKDT bài thi KHXH: 7.422/8.491 thí sinh = 87,41%.
- Dự kiến nhân sự tham gia tổ chức Kỳ thi đảm bảo đủ số lượng tiêu chuẩn Theo Điều 5 Quy chế 15, riêng Điểm thi 1.668 người.

6. Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND thực hiện Quyết định 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang với những nội dung cụ thể như sau:

6.1. Mục tiêu chung: Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân, người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, danh lam thắng cảnh và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

6.2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc tổ chức thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn để đảm bảo chủ động cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ; góp phần nâng cao năng suất, giá trị của rừng trồng và giá trị gia tăng của ngành chế biến gỗ. Phân đấu sản lượng gỗ nguyên liệu khai thác giai đoạn đến 2025 bình quân khai thác trên 1.100.000 m³ /năm, giai đoạn 2026-2030 bình quân khai thác trên 1.300.000 m³ /năm; 100% gỗ và sản phẩm gỗ có sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

- Phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ, dược liệu bền vững theo chuỗi giá trị và nâng cao giá trị lâm sản ngoài gỗ, dược liệu được chế biến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của từng khu vực trong tỉnh gắn

với phát huy có hiệu quả tri thức bản địa nhằm nâng cao giá trị gia tăng từ rừng, tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ; đến năm 2030 giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác được gia tăng từ 20% trở lên ngoài giá trị gỗ rừng trồng.

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở các quy định của Nhà nước và điều kiện thực tế của tỉnh; đồng thời quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn từ dịch vụ môi trường rừng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng và giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh trên địa bàn theo quy định; phấn đấu cùng cả nước đảm bảo nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng tăng trưởng ổn định.

- Phát triển các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững, tập trung tại các địa bàn có rừng, có tài nguyên và tiềm năng du lịch. Phát huy tiềm năng, lợi thế, khai thác các giá trị về tài nguyên thiên nhiên, truyền thống văn hóa, tri thức bản địa; mở rộng các loại hình du lịch, quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với các sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương. Phấn đấu nguồn thu từ hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đến năm 2030 tăng 50% so với năm 2020, tăng 100% vào năm 2050.

- Nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; duy trì ổn định diện tích rừng đặc dụng; triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động của Chính phủ về bảo tồn các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm của Việt Nam tại địa phương.

- Thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có rừng đến năm 2030 chiếm trên 50%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đạt từ 40% trở lên vào năm 2030 và 70% vào năm 2050.

6.3. Nhiệm vụ

(1). Về nhiệm vụ phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ

- Tiếp tục duy trì, phát triển vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung trong tỉnh, có sự liên kết chặt chẽ với các địa phương trong khu vực; tập trung phát triển rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn tại các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa và thành phố Tuyên Quang.

- Áp dụng khoa học công nghệ về giống, kiểm soát chất lượng nguồn giống; thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh; gắn các vùng sản xuất nguyên liệu với chế biến hàng hóa tập trung; xây dựng thương hiệu.

- Từng bước tăng tỷ trọng nguồn cung nguyên liệu gỗ hợp pháp từ rừng trồng của địa phương cho ngành chế biến gỗ và lâm sản; gỗ rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững hoặc cấp mã số vùng trồng, phù hợp với yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Ứng dụng công nghệ chế biến tinh, chế biến sâu; tận dụng phế phụ phẩm trong chế biến gỗ; phấn đấu hình thành kinh tế tuần hoàn trong ngành sản xuất lâm

nghiệp; giảm dần tỷ trọng các sản phẩm chế biến thô; khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm từ gỗ từ rừng trồng tại địa phương.

(2) Về nhiệm vụ phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

- Thực hiện điều tra, đánh giá, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng; nắm vững thông tin về các loài quý hiếm có giá trị kinh tế cao: Khu vực phân bố, loài, diện tích, trữ lượng, từ đó đề xuất kế hoạch bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững theo tiềm năng, thế mạnh của từng sản phẩm, từng điều kiện cụ thể và phát huy tri thức bản địa của cộng đồng, người dân địa phương.

- Lồng ghép nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 (phê duyệt tại Quyết định 1165/QĐ-TTg ngày 09/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ) phù hợp với lợi thế và điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến sản phẩm hàng hóa thương mại gắn kết với sản xuất nguyên liệu tập trung theo chuỗi giá trị đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường; đa dạng hóa sản phẩm; xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng, xây dựng các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm phù hợp với nét đặc trưng về bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn, tạo các giống, loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của địa phương.

- Phối hợp các địa phương trong vùng hình thành vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung, ưu tiên một số loài cây hiện có diện tích lớn, giá trị kinh tế cao trên đất lâm nghiệp hoặc dưới tán rừng; triển khai thực hiện việc cấp mã số vùng trồng cho các vùng nguyên liệu đối với diện tích đủ điều kiện để đảm bảo truy xuất nguồn gốc theo quy định.

(3) Về nhiệm vụ phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp

- Thực hiện việc tổng kết, đánh giá, các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp trên địa bàn.

- Tăng cường thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bền vững, hiệu quả; phát huy trách nhiệm và khuyến khích sự tham gia quản lý rừng và chia sẻ lợi ích của cộng đồng, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

- Lựa chọn các loài cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu, thị hiếu của thị trường. Áp dụng các biện pháp canh tác và quản lý chất lượng hiệu quả cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... kết hợp dưới tán rừng; sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng.

(4) Về nhiệm vụ phát triển dịch vụ môi trường rừng

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.

- Tăng cường quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.

(5) Về nhiệm vụ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Tạo lập môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường hợp tác giữa chủ rừng với cộng đồng địa phương, khuyến khích cộng đồng tham gia vào quá trình lập kế hoạch, quản lý du lịch, cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch; bảo tồn, phát huy tri thức bản địa và truyền thống văn hóa của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các chủ rừng xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững, Phương án tạm sử dụng rừng, Đề án và Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

- Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc gắn với giá trị cảnh quan thiên nhiên tại các khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan di tích lịch sử, khu bảo tồn và các khu rừng phòng hộ, như: Tân Trào, Na Hang, Lâm Bình, Cham Chu,.. có tính kết nối vùng, liên vùng tạo nên các sản phẩm, hoạt động, thương hiệu du lịch gắn với văn hóa truyền thống địa phương, vùng địa lý.

- Phát triển các mô hình du lịch sinh thái gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng đối với đồng bào dân tộc, người dân miền núi và người dân sống trong và gần rừng.

- Quảng bá, tiếp thị, truyền thông giới thiệu và phản hồi về các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch nông thôn; sử dụng mạng xã hội và trang thông tin điện tử và tổ chức các sự kiện (hội thảo, hội nghị, hội chợ,...).

- Thu hút các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển bền vững du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng.

(6) Thông tin, truyền thông

- Tăng cường thông tin, truyền thông nâng và cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, cụ thể các hoạt động: (1) Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc tổ chức thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn; (2) Giá trị lâm sản ngoài gỗ, dược liệu; (3) Hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững; (4) Dịch vụ môi trường rừng; (5) hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững; (6) Công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; (7) Thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có rừng.

- Tăng cường thông tin, quảng bá sản phẩm gỗ từ rừng trồng của tỉnh; sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng, sản phẩm OCOP về dược liệu; hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng.

6.4. Giải pháp

(1) Về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục thực hiện và lồng ghép thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương (qua các Chương trình mục tiêu quốc gia) và của Tỉnh đã ban hành.

- Tập trung nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện các cơ chế chính sách về lĩnh vực lâm nghiệp và các lĩnh vực khác có liên quan để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc.

(2) Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu

- Hoàn thiện về các thủ tục pháp lý theo hướng bảo đảm nguyên tắc mọi diện tích rừng đều có chủ để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, ưu tiên thực hiện các quy định về quản lý rừng đối với những diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng tập trung, có ưu thế và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện sinh kế của cộng đồng, người dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tập trung hỗ trợ, mời gọi đầu tư để mở rộng về diện tích và phát triển rừng trồng thâm canh gỗ lớn tại các những địa bàn thuộc các huyện, thành phố có nhiều lợi thế, tiềm năng trong tỉnh như: Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương,...

(3) Về khoa học và công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ để phát huy tối đa các giá trị của hệ sinh thái rừng; phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, gắn với tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý cơ sở dữ liệu, cấp mã số vùng nuôi trồng, truy xuất, xác định nguồn gốc, chế biến và bảo quản lâm sản hợp pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ khuyến lâm, khuyến công,... nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người làm nghề rừng, từ đó tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng trong các khâu trong sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản và thị trường các sản phẩm lâm sản, góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất của ngành lâm nghiệp.

(4) Về tổ chức sản xuất

- Thực hiện việc đánh giá, tổng kết các mô hình về trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, kết hợp với phát triển các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng để nhân rộng các mô hình phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng; tổ chức giao đất, giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp.

- Thực hiện việc xây dựng một số mô hình đồng quản lý rừng, gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo quy định; tiếp tục tổ chức thực hiện việc xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ, phát triển rừng.

- Đẩy mạnh triển khai Chương trình OCOP, chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới gắn với hệ sinh thái rừng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế rừng bền vững tại địa phương.

- Tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với liên kết vùng sinh thái, phát triển làng nghề, đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là đường lâm nghiệp, để khai thác tổng hợp các giá trị của rừng.

(5) Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao, áp dụng biện pháp trồng rừng 7 thâm canh gỗ lớn, gỗ có chứng nhận quản lý rừng bền vững, mã số vùng trồng. Đào tạo, nâng cao năng lực cho lực lượng chức năng trong kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc lâm sản; tăng cường năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là chủ rừng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các hộ nhận khoán bảo vệ rừng về quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi nhằm phát triển các mô hình kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng gắn với duy trì, phát triển tri thức, văn hóa bản địa của cộng đồng địa phương.

(6) Về hợp tác quốc tế

- Tăng cường tiếp cận, hợp tác quốc tế theo các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và suy thoái rừng tại địa phương; phù hợp với các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

(7) Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án Các đơn vị, địa phương liên quan rà soát, nghiên cứu, căn cứ quy định của pháp luật, điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách để tham mưu thực hiện các chương trình, đề án, dự án ưu tiên kèm theo Kế hoạch này. Việc thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách và các quy định khác có liên quan.
